

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Huế Địa chỉ: 32 Lý Thường Kiệt, phường Thuận Hoá, thành phố Huế, Việt Nam. Mã số thuế: 0400101394-003 Số tài khoản: 116000020505 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Huế. Số điện thoại: 0234.2220242 Số fax: 0234.2220242 Email: khvttthpc@gmail.com
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: Thành phố Huế.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: 1. Các tài liệu, bản vẽ kỹ thuật liên quan; 2. Phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Phòng Kế hoạch – Vật tư, Công ty Điện lực Huế. - Địa chỉ: 32 Lý Thường Kiệt, phường Thuận Hoá, thành phố Huế, Việt Nam. . - Điện thoại: 0234.2220242 - Fax: 0234.2220242 - Email: khvttthpc@gmail.com
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Nhà thầu hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành. + Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

	<p>+ Nếu Nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Nhà thầu phải tự thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>Trường hợp hàng hóa và dịch vụ được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng vẫn còn các tồn tại mà Nhà thầu phải khắc phục thì Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định như trên.</p> <p>Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 03 ngày kể từ ngày ký hợp đồng</p> <p>Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo mẫu số 18 phần 4 Biểu mẫu hợp đồng.</p> <p>- Trường hợp Nhà thầu là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị 3% giá hợp đồng cho Chủ đầu tư và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p><u>Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng:</u></p> <p>Ngoài các trường hợp không được trả Bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu tại CDNT, các trường hợp sau nhà thầu sẽ bị tịch thu Bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <p>Nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực.</p> <p>Nhà thầu vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p>Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của hợp đồng.</p> <p>Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư giải tỏa và trả lại cho nhà thầu không</p>

	<i>chậm hơn 28 ngày kể từ khi nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành từ nhà thầu.</i>
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 0 ngày.</p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau. Nếu thương lượng không thành công, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Thành phố Huế giải quyết theo quy định của pháp luật. Chi phí do việc giải quyết tranh chấp do bên thua chi trả.</p> <p>Nhà thầu có thời hạn 56 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến độ giao hàng: <ul style="list-style-type: none"> - Đợt 1: Thời gian giao hàng trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. - Đợt 2 có thể giao hàng thành nhiều lần với khối lượng và thời gian giao hàng theo đơn đặt hàng. Thời gian giao hàng của 1 lần/đợt 2 trong vòng 30 ngày kể từ ngày có đơn đặt hàng. - Thông báo giao hàng: Trước 07 ngày kể từ ngày hàng về đến kho Chủ đầu tư, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư các thông tin về hàng hóa, phương tiện vận chuyển và thời gian hàng đến kho để Chủ đầu tư chủ động thu xếp kho bãi và nhân lực tiếp nhận và kiểm tra hàng hóa. - Chứng từ giao hàng: Khi giao hàng, Nhà thầu phải cung cấp cho đại diện tiếp nhận hàng hóa của Chủ đầu tư các chứng từ sau đây, đồng thời ký Biên bản giao nhận và kiểm tra VTTB (theo mẫu kèm theo) với đại diện Chủ đầu tư để làm cơ sở thanh toán hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> + 02 bản sao (có dấu sao y bản chính) hóa đơn do Bộ Tài chính phát hành hoặc được cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước cấp phép lưu hành mô tả hàng hóa, số lượng, đơn giá và tổng giá phát

	<p>hành trực tiếp cho Công ty Điện lực Huế. + 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) biên bản thí nghiệm xuất xưởng hàng hóa. + 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) chứng nhận chất lượng và số lượng của Nhà sản xuất. + 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hay Nhà sản xuất. + 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo quy định tại NĐ số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 đối với các hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài. + 01 bản chính catalogue và tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành và bảo trì bảo dưỡng bằng tiếng Việt.</p> <p>+ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu (đối với VTTB sản xuất tại nước ngoài được cung ứng theo hợp đồng trong nước).</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: Được phép
E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng: <i>10% giá trị hợp đồng</i></p> <p>- <i>Phương thức tạm ứng</i>: Chủ đầu tư sẽ thực hiện tạm ứng trong năm 2026 cho Nhà thầu trong vòng 15 ngày kể từ ngày Nhà thầu xuất trình cho Chủ đầu tư đầy đủ các chứng từ sau:</p> <p>+ <i>01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</i></p> <p>+ <i>02 bản chính Giấy đề nghị tạm ứng.</i></p> <p>+ <i>01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo mẫu quy định trong hợp đồng với giá trị tương ứng giá trị được tạm ứng nêu trên và có thời gian hiệu lực đến khi thu hồi hết tạm ứng.</i></p> <p>- <i>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng</i>: Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Nhà</p>

	<p><i>thầu không giao nộp đúng hạn, Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả.</i></p> <p><i>- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:</i></p> <p><i>+ Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau:</i></p> <p><i>Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích;</i></p> <p><i>Nhà thầu không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng;</i></p> <p><i>Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</i></p> <p><i>+ Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</i></p> <p><i>+ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh.</i></p> <p><i>+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</i></p> <p><i>Phương thức thu hồi tiền tạm ứng: Vốn tạm ứng sẽ được thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng) đạt 80% giá trị hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu không thực hiện hợp đồng, toàn bộ khoản tạm ứng sẽ được thu hồi thông qua Bảo lãnh tạm ứng của Ngân hàng đã phát hành cho Nhà thầu.</i></p>
<p>E-ĐKC 14.2</p>	<p><i>Phương thức thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn tất thủ tục giao hàng và dịch vụ lắp đặt theo quy định của hợp đồng, Bên mua nhận được hồ sơ thanh toán như dưới đây, Bên mua sẽ thanh toán bằng chuyển khoản cho Nhà thầu 95% giá trị hàng hoá của Hợp đồng (bao gồm VAT và tạm ứng tương ứng) đã giao (theo từng đợt giao hàng). Hồ sơ thanh toán gồm:</i></p> <p><i>+ 02 bản chính văn bản đề nghị thanh toán;</i></p> <p><i>Chứng từ thanh toán gồm:</i></p> <p><i>+ 01 bản gốc và 02 bản sao (có dấu sao y bản chính) hóa đơn do Bộ Tài chính phát hành hoặc được cơ quan quản lý chức năng của Nhà</i></p>

	<p><i>nước cấp phép lưu hành mô tả hàng hóa, số lượng, đơn giá và tổng giá phát hành trực tiếp cho Công ty Điện lực Huế tương ứng với khối lượng hàng hóa đã giao.</i></p> <p><i>+ 01 bản chính và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) biên bản thí nghiệm xuất xưởng hàng hóa của Nhà sản xuất.</i></p> <p><i>+ 01 bản chính và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) chứng nhận chất lượng và số lượng của Nhà sản xuất.</i></p> <p><i>+ 01 bản chính và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hay Nhà sản xuất.</i></p> <p><i>+ 01 bản chính Original hoặc Copy và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại NĐ số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 đối với các hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài.</i></p> <p><i>+ 02 bản chính và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) Biên bản giao nhận và kiểm tra VTTB theo mẫu trong Hợp đồng được ký giữa đại diện Nhà thầu và đại diện Bên mua.</i></p> <p><i>+ 02 bản sao Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu (đối với VTTB sản xuất tại nước ngoài được cung ứng theo hợp đồng trong nước).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>• 5% giá trị hàng hoá còn lại (bao gồm thuế GTGT) sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản cho nhà thầu trong vòng 30 ngày sau khi toàn bộ hàng hóa của hợp đồng đã được giao và Chủ đầu tư nhận được bộ chứng từ thanh toán dưới đây:</i> <p><i>+ 01 bản chính và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) Bảo đảm bảo hành như qui định tại Điều 23.3 ĐKCT;</i></p> <p><i>+ 02 bản chính Giấy đề nghị thanh toán.</i></p> <p><i>Trong trường hợp Nhà cung cấp là Liên danh, mỗi thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn và gửi chứng từ thanh toán trực tiếp cho Chủ đầu tư tương ứng với phạm vi công việc được giao trong hợp đồng. Việc thanh toán chỉ được thực hiện trực tiếp cho từng thành viên theo phạm vi công việc được giao trong hợp đồng.</i></p>
E-ĐKC 15.2	<p><i>Quyền: ___ [trường hợp gói thầu hàng hóa cần có quy định về quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, nhà thầu về quyền tác giả và các quyền khác thì chủ đầu tư quy định rõ tại Mục này]</i></p>
E-ĐKC 18.2	<p><i>Đóng gói hàng hóa: Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa cung cấp phù hợp theo tiêu chuẩn đóng kiện bao bì xuất nhập khẩu quốc tế để tránh mọi dạng hư hỏng trong khi vận chuyển. Việc đóng gói phải bền vững, không bị phá vỡ khi phơi ở nơi nhiệt độ cao, nước muối và mưa trong khi vận chuyển, bốc xếp và lưu kho bãi. Kích thước và trọng lượng của</i></p>

	kiện hàng phải tính toán phù hợp cho việc bốc xếp, vận chuyển.
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu tự chịu mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa đến kho Chủ đầu tư kể cả bảo hiểm (nếu thấy cần thiết).
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: Không yêu cầu.
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p>a. Chứng kiến thử nghiệm xuất xưởng: 02 đợt, trong vòng 10 ngày trước ngày dự kiến xuất xưởng hàng hóa đợt 1 và đợt 2 theo hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo và mời Chủ đầu tư tham gia chứng kiến thử nghiệm xuất xưởng tại cơ sở sản xuất của nhà sản xuất. Số lượng người của Chủ đầu tư tham gia chứng kiến thử nghiệm là 05 người/đợt. Toàn bộ chi phí liên quan đến việc chứng kiến thử nghiệm xuất xưởng do Nhà thầu chịu.</p> <p>Việc thử nghiệm xuất xưởng sẽ được tiến hành theo yêu cầu của Chủ đầu tư và tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu thử nghiệm của hợp đồng.</p> <p>Kết quả chứng kiến thử nghiệm xuất xưởng tại nhà sản xuất chỉ nhằm mục đích xác nhận hàng hóa đã được sản xuất hoàn thành, mà không làm giảm trừ nghĩa vụ bảo hành cũng như trách nhiệm của Nhà thầu đối với hàng hóa trong quá trình bàn giao và đưa vào sử dụng theo quy định của hợp đồng. Sau khi có biên bản chứng kiến thử nghiệm xuất xưởng nêu trên, Chủ đầu tư sẽ căn cứ vào biên bản này để đưa ra những quyết định công bằng, phù hợp với quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp kết quả thử nghiệm cho thấy các thông số kỹ thuật của hàng hóa đạt hoặc tốt hơn các thông số kỹ thuật quy định trong hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ chấp nhận nghiệm thu lô hàng và cho phép Nhà thầu tiến hành các thủ tục cần thiết để giao hàng theo hợp đồng. - Trường hợp kết quả thử nghiệm cho thấy thông số kỹ thuật của hàng hóa không đạt các thông số kỹ thuật quy định trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nghiệm thu toàn bộ lô hàng, Nhà thầu phải tiến hành các biện pháp để sửa chữa, khắc phục hàng hóa và mời Chủ đầu tư nghiệm thu lại. Nếu do việc khắc phục này mà Nhà thầu chậm giao hàng, Nhà thầu vẫn sẽ phải chịu phạt vi phạm do chậm tiến độ và các hình thức xử lý bổ sung theo qui định tại Điều 22 dưới đây

	<p>b. Kiểm tra giao nhận hàng: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày hàng đến kho Chủ đầu tư, đại diện hai bên sẽ tiến hành kiểm tra số lượng, chủng loại, tình trạng hàng hóa và lập Biên bản giao nhận và kiểm tra VTTB. Biên bản giao nhận và kiểm tra VTTB tại kho này làm cơ sở để thanh toán hợp đồng cũng như để khiếu nại Nhà thầu nếu có thiệt hại hay hàng hóa không đúng yêu cầu.</p> <p>c. Thí nghiệm kiểm tra xác suất hàng hóa: Vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền thuê một pháp nhân độc lập, đủ thẩm quyền để thí nghiệm kiểm tra xác suất mẫu các loại hàng hoá theo các thông số kỹ thuật quy định trong hợp đồng. Căn cứ vào kết quả kiểm tra này, Chủ đầu tư sẽ đưa ra những quyết định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp kết quả thí nghiệm kiểm tra cho thấy các thông số kỹ thuật của hàng hoá đạt hoặc tốt hơn các thông số kỹ thuật quy định trong hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc thí nghiệm kiểm tra này. <p>Trường hợp kết quả thí nghiệm kiểm tra cho thấy bất kỳ thông số kỹ thuật của hàng hoá không đạt các thông số kỹ thuật quy định trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối toàn bộ lô hàng, thông báo trả hàng, thu bảo đảm thực hiện hợp đồng và tiến hành thanh lý hợp đồng. Đồng thời Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc thí nghiệm kiểm tra này.</p>
<p>E-ĐKC 21.2</p>	<p>Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: ___ <i>Thử nghiệm xuất xưởng: Nhà máy của Nhà sản xuất.</i></p> <p><i>Kiểm tra giao nhận: theo địa điểm giao hàng tại Chương V.</i></p> <p><i>Kiểm tra xác suất: Đơn vị có pháp nhân độc lập, đủ thẩm quyền do Chủ đầu tư thuê.</i></p>
<p>E-ĐKC 22</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại. <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.</p> <p>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 1% giá trị hàng hoá (trước thuế) giao trễ/tuần cho đến khi nội dung công việc</p>

	<p>đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm (trước thuế). Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; - Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho Chủ đầu tư trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.
<p>E-ĐKC 23.3</p>	<p>Thời hạn bảo hành là: <i>Toàn bộ hàng hóa của hợp đồng được bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày hàng hoá được nghiệm thu đưa vào vận hành, hoặc tối thiểu 18 tháng kể từ ngày giao hàng cuối cùng.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm để áp dụng bảo hành là: địa điểm giao nhận hàng. - Phương thức bảo hành: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Khi kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa cũng như trong quá trình lắp đặt, sử dụng các hàng hóa cung cấp trong hợp đồng, nếu có hàng hóa nào không phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như chất lượng không đảm bảo thì Chủ đầu tư sẽ thông báo ngay cho Nhà thầu bằng văn bản các sai sót này.</i> + <i>Trong thời gian không quá 15 ngày sau khi nhận được các thông báo nói trên của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải sửa chữa hoặc thay thế tất cả hàng hóa sai sót và mọi chi phí liên quan đều do Nhà thầu chịu. Trước khi tiến hành sửa chữa, Nhà thầu phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện.</i> + <i>Nếu sau khi đã được thông báo, Nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian quy định, Chủ đầu tư có thể tiến hành các bước cần thiết để thu lại số tiền tương ứng với các hàng hóa bị sai sót này từ Bảo đảm bảo hành của Nhà thầu. Đồng thời Chủ đầu tư sẽ tìm nguồn khác để mua các hàng hóa này và toàn bộ chi phí chênh lệch do Nhà thầu chịu theo cách khấu trừ từ tiền bảo đảm bảo hành và nhà thầu phải thanh toán bổ sung cho phần chi phí vượt quá số tiền trong bảo đảm bảo hành.</i> + <i>Việc thực hiện các nghĩa vụ bảo hành nói trên của Nhà thầu chỉ đối với các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Nhà thầu hoặc Nhà sản xuất. Trong quá trình bảo hành, nếu có hàng hóa bị hư hỏng, kém chất lượng thì thời gian bảo</i>

hành được tính lại từ ngày đưa chi tiết cung cấp thay thế vào sử dụng với thời hạn bảo hành như qui định nêu tại khoản này.

- Bảo lãnh bảo hành:

+ Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng hoặc kể từ ngày nhà thầu hoàn thành giao hàng theo qui định của hợp đồng và được Chủ đầu tư chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Nhà thầu gửi Chủ đầu tư phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.

+ Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành:

++ Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc kể từ ngày nhà thầu hoàn thành giao hàng theo qui định của hợp đồng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

++ Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.

++ Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.

- Yêu cầu khác:

+ Nhà thầu cam kết Nhà thầu và Nhà sản xuất các thiết bị chính trong Hợp đồng này sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành của Hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của

	<p><i>Chủ đầu tư tới các dịch vụ và vật tư thiết bị nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị, hệ thống.</i></p> <p><i>+ Các VTTB sau khi được mua sắm, lắp đặt trên lưới sẽ tiếp tục được đánh giá chất lượng theo qui định của EVN trong quá trình vận hành, bao gồm cả giai đoạn bảo hành và sau bảo hành.</i></p>
<p>E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6</p>	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về hàng hóa không phù hợp về mặt kỹ thuật hoặc chất lượng không đảm bảo.</p>
<p>E-ĐKC 27.7 (d)</p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>